



BẢN TIN PHÁP LUẬT

Tháng 10/2016

CHÀO MỪNG NGÀY PHÁP LUẬT NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

- Ngày 09 tháng 11 năm 2016 -

KIẾN THỨC PHÁP LUẬT

Trong số này

KIẾN THỨC PHÁP LUẬT

↳ Những điểm mới của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

CẬP NHẬT VĂN BẢN PHÁP LUẬT

- ↳ Hướng dẫn mới về quản lý sức khỏe NLD;
- ↳ Điểm mới của Thông tư số 130/2016/TT-BTC về thuế sử dụng đất, thuế GTGT;
- ↳ Nhiều điểm mới trong quy định miễn thuế theo định mức;
- ↳ Không thanh toán tiền khám bệnh khi cấp cứu từ 04 giờ trở lên;
- ↳ Giảm hồ sơ hưởng chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;
- ↳ Hướng dẫn thực hiện một số quy định về chế độ thai sản;
- ↳ Nâng cấp ứng dụng kê khai thuế phiên bản HTKK 3.4.0.

ĐÓ VUI PHÁP LUẬT

trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật; đồng thời Hiến pháp năm 2013, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 đã quy định Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử, thực hiện quyền tư pháp cho nên mọi tranh chấp, khiếu kiện, mọi yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân về dân sự nhằm bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của mình hoặc của người khác (theo quy định của pháp luật) thì Tòa án phải có trách nhiệm giải quyết, không được từ chối; để

Thực hiện Kế hoạch số 993/KH-SC ngày 04/10/2016 của Tổng Công ty về tổ chức Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2016, trọng tâm là tổ chức cao điểm tuyên truyền, phổ biến các luật liên quan trực tiếp đến tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp, Bản tin pháp luật kỳ 36 (tháng 10/2016) giới thiệu đến những nội dung mới của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

NHỮNG NỘI DUNG MỚI CỦA BỘ LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỰ NĂM 2015

BLTTDS năm 2015 có tổng số 517 điều, được bố cục thành 10 phần, 42 chương. So với BLTTDS năm 2011, BLTTDS năm 2015 giữ nguyên 63 điều; sửa đổi, bổ sung 350 điều; bổ sung mới 104 điều; bãi bỏ 07 điều; trong đó bỏ chương về tương trợ tư pháp trong tố tụng dân sự và bổ sung các chương: về thủ tục rút gọn; yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn; yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu; yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu; yêu cầu Tòa án xét tính hợp pháp của cuộc đình công; yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án; yêu cầu Tòa án bắt giữ tàu bay, tàu biển. Cụ thể BLTTDS năm 2015 có những nội dung sửa đổi chủ yếu như sau:

1. Tòa án không được từ chối yêu cầu giải quyết vụ việc dân sự vì lý do chưa có điều luật để áp dụng

- Theo Điều 14 Hiến pháp năm 2013 thì các quyền con người, quyền công dân về dân sự được nhận, tôn

tăng cường các biện pháp bảo vệ quyền dân sự của cá nhân, pháp nhân Điều 14 Bộ luật dân sự năm 2015 đã quy định Tòa án không được từ chối giải quyết vụ, việc dân sự vì lý do chưa có điều luật để áp dụng. Vì vậy để cụ thể hóa với Hiến pháp, đồng bộ với bộ luật và luật khác nên việc bổ sung quy định “*Tòa án không được từ chối yêu cầu giải quyết vụ việc dân sự vì lý do chưa có điều luật để áp dụng*” là rất cần thiết.

- Tuy nhiên, để tránh việc giải quyết tràn lan, không phải mọi khởi kiện, mọi yêu cầu nào của cơ quan, tổ chức, cá nhân Tòa án cũng thụ lý giải quyết, Bộ luật tố tụng đã giới hạn vụ việc chưa có điều luật để áp dụng mà Tòa án phải thụ lý giải quyết là vụ việc dân sự thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật dân sự nhưng tại thời điểm vụ việc đó phát sinh và cơ quan, tổ chức, cá nhân yêu cầu Tòa án giải quyết chưa có điều luật để áp dụng. Như vậy, Tòa án chỉ giải quyết các tranh chấp, các yêu cầu đối với quyền, nghĩa vụ về nhân thân và tài sản của cá nhân, pháp nhân trong các quan hệ được hình thành trên cơ sở bình đẳng, tự do ý chí, độc lập về tài sản và tự chịu trách nhiệm (gọi chung là quan hệ dân sự); còn các tranh chấp, các yêu cầu khác không phải là dân sự thì Tòa án sẽ không thụ lý giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự.

- Đối với các tranh chấp, các yêu cầu Tòa án thụ lý giải quyết mà chưa có điều luật quy định thì Tòa án phải căn cứ vào nguyên tắc sau đây:

+ Trường hợp các bên không có thoả thuận và pháp luật không quy định thì có thể áp dụng tập quán nhưng tập quán áp dụng không được trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự.

+ Trường hợp phát sinh quan hệ thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật dân sự mà các bên không có thoả thuận, pháp luật không có quy định và không có tập quán được áp dụng thì áp dụng quy định tương tự pháp luật.

+ Trường hợp không thể áp dụng tương tự pháp luật thì áp dụng các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ, lễ công bằng.

2. Bảo đảm tranh tụng trong xét xử

Nhằm thể chế hóa quan điểm cải cách tư pháp của Đảng về nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động tư pháp, đồng thời cụ thể hóa “*nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm*” đã được Hiến định tại khoản 5 Điều 103 Hiến pháp năm 2013, theo tinh thần đó BLTTDS năm 2015 đã sửa

đổi, bổ sung nguyên tắc “*Bảo đảm tranh tụng trong xét xử*” xem đây là một trong những nội dung quan trọng của việc sửa đổi bổ sung của Bộ luật tố tụng dân sự. Nội dung của nguyên tắc này có những điểm chủ yếu như sau:

a) Việc tranh tụng được bảo đảm thực hiện từ khi khởi kiện thụ lý vụ án cho đến khi giải quyết xong vụ án; đương sự thực hiện quyền tranh tụng trong các giai đoạn xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm.

b) Xác định rõ trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng, đặc biệt là quy định rõ ràng về quyền và nghĩa vụ của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự:

- Tòa án có trách nhiệm bảo đảm cho đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thực hiện quyền tranh tụng trong xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm Trong các trường hợp xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của đương sự theo quy định của BLTTDS năm 2015 thì Tòa án tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ.

- Đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự có quyền thu thập, giao nộp tài liệu, chứng cứ kể từ khi Tòa án thụ lý vụ án dân sự; trình bày, đối đáp, phát biểu quan điểm, lập luận về đánh giá chứng cứ và pháp luật áp dụng để bảo vệ yêu cầu, quyền, lợi ích hợp pháp của mình hoặc bác bỏ yêu cầu của người khác theo quy định của Bộ luật này. Đương sự phải thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS năm 2015, nếu không thực hiện các nghĩa vụ đó thì phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật.

c) Trong quá trình tố tụng và tại phiên Tòa các chứng cứ của vụ án phải được công khai trừ trường hợp không được công khai định tại khoản 2 Điều 109 của BLTTDS năm 2015. Các đương sự đều có quyền được biết, ghi chép, sao chụp tài liệu, chứng cứ do đương sự khác xuất trình hoặc do Tòa án thu thập (trừ tài liệu, chứng cứ không được công khai). Đương sự có nghĩa vụ gửi cho đương sự khác hoặc người đại diện hợp pháp của họ bản sao đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ đã giao nộp cho Tòa án (trừ tài liệu, chứng cứ không được công khai).

Trong quá trình, giải quyết, xét xử mọi tài liệu, chứng cứ phải được xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện, Tòa án điều hành việc tranh tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử phải: bảo đảm các đương sự

thực hiện việc tranh tụng, chỉ hỏi những vấn đề mà người tham gia tố tụng trình bày chưa rõ, trong trường hợp cần thiết phải có thời gian thu thập thêm chứng cứ để đủ cơ sở giải quyết vụ án thì tạm ngừng phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng để ra bản án, quyết định.

3. Những vụ việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án (Mục 1 từ Điều 26 đến Điều 34)

Tất cả 9 điều ở mục này đều được sửa đổi bổ sung:

a) Sửa đổi bổ sung thẩm quyền vụ việc dân sự cho phù hợp với các luật và bộ luật khác đã quy định:

- Những tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Đã bổ sung:

+ Giao dịch dân sự;

+ Tranh chấp về bồi thường thiệt hại do áp dụng biện pháp ngăn chặn hành chính không đúng theo quy định của pháp luật về cạnh tranh, trừ trường hợp yêu cầu bồi thường thiệt hại được giải quyết trong vụ án hành chính;

+ Tranh chấp về khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả thải vào nguồn nước theo quy định của Luật tài nguyên nước;

+ Tranh chấp đất đai theo quy định của pháp luật về đất đai; tranh chấp về quyền sở hữu, quyền sử dụng rừng theo quy định của Luật bảo vệ và phát triển rừng.

- Những yêu cầu về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

+ Yêu cầu tuyên bố hoặc hủy bỏ quyết định tuyên bố một người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

+ Yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án.

+ Yêu cầu công nhận tài sản có trên lãnh thổ Việt Nam là vô chủ, công nhận quyền sở hữu của người đang quản lý đối với tài sản vô chủ trên lãnh thổ Việt Nam.

- Những tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

+ Tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn.

+ Tranh chấp về sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản, mang thai hộ vì mục đích nhân đạo.

+ Tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn hoặc khi hủy kết hôn trái pháp luật.

- Những yêu cầu về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

+ Công nhận việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình.

+ Yêu cầu liên quan đến việc mang thai hộ theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

+ Yêu cầu công nhận thỏa thuận chấm dứt hiệu lực của việc chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân đã được thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án.

+ Yêu cầu tuyên bố vô hiệu thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

+ Yêu cầu xác định cha, mẹ cho con hoặc con cho cha, mẹ theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình.

- Những tranh chấp về kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

Đã sửa đổi bổ sung nhằm làm rõ các tranh chấp về kinh doanh thương mại phù hợp với Luật thương mại, Luật doanh nghiệp, ..., phân biệt giữa tranh chấp thương mại với tranh chấp dân sự. Cụ thể như sau:

+ Các tranh chấp về kinh doanh thương mại là những tranh chấp: phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại do luật thương mại điều chỉnh (không liệt kê những tranh chấp cụ thể như BLTTDS năm 2011); chủ thể của các quan hệ thương mại là giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh và các hoạt động đó các bên đều nhằm mục đích lợi nhuận.

+ Tranh chấp giữa người chưa phải là thành viên công ty nhưng có giao dịch về chuyển nhượng phần vốn góp với công ty, thành viên công ty.

+ Tranh chấp giữa công ty với người quản lý trong công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc thành viên Hội đồng quản trị, giám đốc, tổng giám đốc trong công ty cổ phần.

- Những yêu cầu về kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Nhằm khắc phục vướng mắc trong thực tiễn vì chưa có quy định rõ trong BLTTDS năm 2011 về thủ tục giải quyết yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông là vụ hay là việc; đồng thời để tương thích với Luật doanh nghiệp và các Luật khác nên BLTTDS năm 2015 đã bổ sung những việc dân sự về kinh doanh thương mại như sau:

+ Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng thành viên theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

+ Yêu cầu bắt giữ tàu bay, tàu biển theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng Việt Nam, về hàng hải Việt Nam, trừ trường hợp bắt giữ tàu bay, tàu biển để bảo đảm giải quyết vụ án.

- Những tranh chấp về lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

Để phù hợp với Bộ luật lao động và các luật khác nên đã sửa đổi, bổ sung như sau:

+ Đối với tranh chấp lao động cá nhân giữa người lao động với người sử dụng lao động nói chung phải thông qua thủ tục hòa giải của hòa giải viên lao động trước khi khởi kiện; Tòa án chỉ thụ lý giải quyết khi: hòa giải thành nhưng các bên không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, hòa giải không thành hoặc không hòa giải trong thời hạn do pháp luật quy định.

Riêng các tranh chấp lao động cá nhân giữa người lao động với người sử dụng lao động không bắt buộc hòa giải trước khi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

* Về xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải;

* Về trường hợp bị đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động;

* Về bồi thường thiệt hại, trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động;

* Giữa người giúp việc gia đình với người sử dụng lao động;

* Về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, về bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế, về bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về việc làm, về bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động;

* Về bồi thường thiệt hại giữa người lao động với doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

+ Tranh chấp liên quan đến lao động bao gồm các tranh chấp sau đây:

* Tranh chấp về học nghề, tập nghề;

* Tranh chấp về cho thuê lại lao động;

* Tranh chấp về quyền công đoàn, kinh phí CĐ;

* Tranh chấp về an toàn lao động, vệ sinh LĐ.

+ Tranh chấp về bồi thường thiệt hại do đình công bất hợp pháp.

- Những yêu cầu về lao động thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

Để phù hợp với Bộ luật lao động, giải quyết tất cả các yêu cầu của quan hệ lao động, BLTTDS năm 2015 đã bổ sung:

+ Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu;

+ Yêu cầu xét tính hợp pháp của cuộc đình công.

b) Để bảo đảm thực hiện nguyên tắc “*Tòa án không được từ chối giải quyết vụ việc dân sự vì lý do chưa có điều luật để áp dụng*”. Các Điều luật từ Điều 26 đến Điều 33 đều có một khoản quy định Tòa án có trách nhiệm giải quyết các vụ việc dân sự khác về dân sự, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức khác theo quy định của pháp luật.

c) *Thẩm quyền của Tòa án đối với quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức* ”

So với Điều 32a BLTTDS năm 2011 thì Điều 34 BLTTDS năm 2015 đã có những thay đổi như sau:

- Khi giải quyết vụ việc dân sự, Tòa án có quyền và phải xem xét hủy quyết định cá biệt trái pháp luật có liên quan đến vụ việc dân sự đó, không cần phải có yêu cầu của đương sự.

- Quyết định cá biệt mà Tòa án có quyền và phải xem xét giải quyết trong vụ việc dân sự là:

+ Quyết định của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền đã được ban hành về một vấn đề cụ thể và được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể;

+ Có liên quan đến vụ việc dân sự mà Tòa án đang giải quyết.

- Khi xét thấy cần thiết phải xem xét việc hủy quyết định cá biệt, Tòa án phải đưa cơ quan, tổ chức hoặc người có thẩm quyền đã ban hành quyết định đó tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền đã ban hành quyết định phải tham gia tố tụng và trình bày ý kiến của mình về quyết định cá biệt bị Tòa án xem xét hủy.

2.2 Thẩm quyền Tòa án theo cấp và lãnh thổ

Có 8 Điều từ Điều 35 đến Điều 42. Về thẩm quyền của Tòa án theo cấp và theo lãnh thổ cơ bản giữ nguyên như BLTTDS 2011. Đồng thời có sửa đổi bổ sung một số nội dung như sau:

a) Thẩm quyền Tòa án cấp huyện

- Các tranh chấp về dân sự (trừ tranh chấp về bồi thường thiệt hại do áp dụng biện pháp ngăn chặn hành chính không đúng theo quy định của pháp luật về cạnh tranh), tranh chấp về hôn nhân, tranh chấp thương mại quy định tại khoản 1 Điều 30 và tranh chấp về lao động đều thuộc thẩm quyền Tòa án cấp huyện;

- Đối với những vụ việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật, giải quyết việc ly hôn, các tranh chấp về quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, cha mẹ và con, về nhận cha, mẹ, con, nuôi con nuôi và giám hộ giữa công dân Việt Nam cư trú ở khu vực biên giới với công dân của nước láng giềng cùng cư trú ở khu vực biên giới với Việt Nam thuộc thẩm quyền Tòa án cấp huyện.

b) Thẩm quyền của các Tòa chuyên trách Tòa án nhân dân cấp huyện

Theo Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 thì Tòa án nhân dân cấp huyện có thể có một số Tòa chuyên trách cho nên BLTTDS năm 2015 đã quy định thẩm quyền đối với Tòa chuyên trách của Tòa án nhân dân cấp huyện đối với việc giải quyết vụ việc dân sự như sau:

- Tòa dân sự Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những vụ việc về dân sự, kinh doanh, thương mại, lao động thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện quy định tại Điều 35 của BLTTDS năm 2015;

- Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những vụ việc về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện quy định tại Điều 35 của BLTTDS năm 2015;

- Đối với Tòa án nhân dân cấp huyện chưa có Tòa chuyên trách thì Chánh án Tòa án có trách nhiệm tổ chức công tác xét xử và phân công Thẩm phán giải quyết vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện.

c) Thẩm quyền của các Tòa chuyên trách Tòa án nhân dân cấp tỉnh

Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 quy định Tòa án nhân dân cấp tỉnh có 6 Tòa chuyên trách và theo Nghị quyết số 81/2014/QH13 về việc thi hành Luật tổ chức Tòa án nhân dân thì thẩm quyền xét xử của Tòa gia đình và người chưa thành niên được thực hiện theo quy định của các luật tổ tụng cho nên BLTTDS năm 2015 đã quy định:

- Tòa dân sự Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền:

+ Giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp, yêu cầu về dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh;

+ Giải quyết theo thủ tục phúc thẩm những vụ việc mà bản án, quyết định dân sự chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp huyện bị kháng cáo, kháng nghị.

- Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền:

+ Giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp, yêu cầu về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh;

+ Giải quyết theo thủ tục phúc thẩm những vụ việc mà bản án, quyết định hôn nhân và gia đình chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp huyện bị kháng cáo, kháng nghị.

- Tòa kinh tế Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền:

+ Giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp, yêu cầu về kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh;

+ Giải quyết theo thủ tục phúc thẩm những vụ việc mà bản án, quyết định kinh doanh, thương mại chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp huyện bị kháng cáo, kháng nghị;

- Tòa lao động Tòa án nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền:

+ Giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp, yêu cầu về lao động thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh;

+ Giải quyết theo thủ tục phúc thẩm những vụ việc mà bản án, quyết định lao động chưa có hiệu lực pháp luật của Tòa án nhân dân cấp huyện bị kháng cáo, kháng nghị.

d) Thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ

- Đối với vụ án dân sự thuộc thẩm quyền theo lãnh thổ cơ bản giữ nguyên như BLTTDS 2011, chỉ sửa đổi thẩm quyền đối với đối tượng tranh chấp là bất động sản “*thì chỉ Tòa án nơi có bất động sản có thẩm quyền giải quyết*”. Việc sửa đổi này nhằm khắc phục hạn chế do BLTTDS 2011 quy định không rõ nên hiểu khác nhau về thẩm quyền Tòa án khi bị đơn ở “*nơi này*” bất động sản tranh chấp thì ở “*nơi kia*” thì thuộc về thẩm quyền của Tòa án nơi bị đơn cư trú hay Tòa án nơi có bất động sản là đối tượng tranh chấp;

- Đối với việc dân sự nhằm quy định rõ thẩm quyền tất cả các việc dân sự mà BLDS năm 2015 đã quy định; so với BLTTDS năm 2011 có những điểm mới bổ sung như sau:

+ Tòa án nơi có tài sản có thẩm quyền giải quyết yêu cầu công nhận tài sản đó có trên lãnh thổ Việt Nam là vô chủ, công nhận quyền sở hữu của người đang quản lý đối với tài sản vô chủ trên lãnh thổ Việt Nam;

+ Tòa án nơi người mang thai hộ cư trú, làm việc có thẩm quyền giải quyết yêu cầu liên quan đến việc mang thai hộ;

+ Tòa án nơi cư trú, làm việc của một trong những người có tài sản chung có thẩm quyền giải quyết yêu cầu công nhận thỏa thuận chấm dứt hiệu lực của việc chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân đã được thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án;

+ Tòa án nơi người yêu cầu cư trú, làm việc có thẩm quyền giải quyết yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án;

+ Tòa án nơi cư trú, làm việc của người yêu cầu có thẩm quyền giải quyết yêu cầu tuyên bố vô hiệu thỏa thuận về chế độ tài sản của vợ chồng theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình; xác định cha, mẹ cho con hoặc con cho cha, mẹ theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình;

+ Tòa án nơi có trụ sở của doanh nghiệp có thẩm quyền giải quyết yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội cổ đông, nghị quyết của Hội đồng thành viên;

+ Tòa án nơi giao kết hoặc thực hiện hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể có thẩm quyền giải quyết yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể đó vô hiệu;

+ Tòa án nơi xảy ra cuộc đình công có thẩm quyền giải quyết yêu cầu xét tính hợp pháp của cuộc đình công;

+ Thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ giải quyết yêu cầu bắt giữ tàu bay, tàu biển được thực hiện theo quy định tại Điều 421 của Bộ luật này.

- Để tránh việc thay đổi thẩm quyền không cần thiết mà thực tế đã áp dụng trong trường hợp vụ án dân sự đã được Tòa án thụ lý và đang giải quyết theo đúng quy định của BLTTDS năm 2015 về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ nếu trong quá trình giải quyết có sự thay đổi nơi cư trú, trụ sở hoặc địa chỉ giao dịch của đương sự thì Tòa án đó tiếp tục giải quyết.

4. Giải quyết vụ việc dân sự trong trường hợp chưa có điều luật áp dụng.

Để có cơ sở giải quyết các vụ việc dân sự trong trường hợp chưa có điều luật áp dụng, BLTTDS năm 2015 đã bổ sung mới 3 điều từ Điều 43 đến Điều 45 với nội dung như sau:

a) Nguyên tắc xác định thẩm quyền của Tòa án, trình tự, thủ tục thụ lý, giải quyết vụ việc dân sự trong trường hợp chưa có điều luật để áp dụng.

Thẩm quyền theo cấp và theo lãnh thổ của Tòa án thụ lý, trình tự, thủ tục, giải quyết vụ việc dân sự trong trường hợp chưa có điều luật để áp dụng được thực hiện như trường hợp đã có điều luật quy định.

b) Nguyên tắc giải quyết vụ việc dân sự trong trường hợp chưa có điều luật để áp dụng.

Khi giải quyết các vụ việc dân sự mà chưa có điều luật áp dụng thì được theo trình tự như sau:

- Áp dụng tập quán;

Tòa án áp dụng tập quán để giải quyết vụ việc dân sự trong trường hợp các bên không có thỏa thuận và pháp luật không quy định. Tập quán không được trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự.

Khi yêu cầu Tòa án giải quyết vụ việc dân sự, đương sự có quyền viện dẫn tập quán để yêu cầu Tòa án xem xét áp dụng.

Tòa án có trách nhiệm xác định giá trị áp dụng của tập quán bảo đảm đúng quy định Bộ luật dân sự.

Trường hợp các đương sự viện dẫn các tập quán khác nhau thì tập quán có giá trị áp dụng là tập quán được thừa nhận tại nơi phát sinh vụ việc dân sự.

- Việc áp dụng tương tự pháp luật được thực hiện như sau:

Tòa án áp dụng tương tự pháp luật để giải quyết vụ việc dân sự trong trường hợp các bên không có thỏa thuận, pháp luật không có quy định và không có tập quán được áp dụng.

Khi áp dụng tương tự pháp luật, Tòa án phải xác định rõ tính chất pháp lý của vụ việc dân sự, xác định rõ ràng trong hệ thống pháp luật hiện hành không có quy phạm pháp luật nào điều chỉnh quan hệ đó và xác định quy phạm pháp luật điều chỉnh quan hệ dân sự tương tự.

- Việc áp dụng các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ, lẽ công bằng được thực hiện như sau:

Tòa án áp dụng các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ, lẽ công bằng để giải quyết vụ việc dân sự khi không thể áp dụng tập quán, tương tự.

Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự là những nguyên tắc được quy định tại Điều 3 của Bộ luật dân sự. Án lệ được Tòa án nghiên cứu, áp dụng trong giải quyết vụ việc dân sự khi đã được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao lựa chọn và được Chánh án Tòa án nhân dân tối cao công bố.

Lẽ công bằng được xác định trên cơ sở lẽ phải được mọi người trong xã hội thừa nhận, phù hợp với nguyên tắc nhân đạo, không thiên vị và bình đẳng về quyền và nghĩa vụ của các đương sự trong vụ việc dân sự đó.

5. Thời hạn tố tụng (Chương 11)

Có 4 điều (từ Điều 182 đến Điều 185); trong đó giữ nguyên 2 điều, sửa đổi 2 điều

Nhằm tránh một chế định do 2 bộ luật cùng quy định, Về thời hiệu khởi kiện đã được quy định trong BLDS 2015 cho nên BLTTDS năm 2015 quy định thời hiệu khởi kiện, thời hiệu yêu cầu giải quyết vụ việc dân sự được thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự. Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo khi có yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc. Người được hưởng lợi từ việc áp dụng thời hiệu có quyền từ chối áp dụng thời hiệu, trừ trường hợp việc từ chối đó nhằm mục đích trốn tránh thực hiện nghĩa vụ.

CẬP NHẬT VĂN BẢN PHÁP LUẬT

Từ tháng 10 năm 2016, nhiều chính sách mới được ban hành và bắt đầu có hiệu lực thi hành. Trong đó, nổi bật là:

1. Hướng dẫn mới về quản lý sức khỏe người lao động

Bộ Y tế vừa ban hành Thông tư số 19/2016/TT-BYT hướng dẫn quản lý vệ sinh lao động và sức khỏe người lao động (NLĐ) có hiệu lực từ ngày 15/8/2016. Theo đó, người sử dụng lao động (NSDLĐ) cần tuân thủ các quy định về quản lý sức khỏe NLĐ như sau:

- Thực hiện việc quản lý, chăm sóc sức khỏe, phòng chống bệnh nghề nghiệp cho NLĐ kể từ thời điểm họ được tuyển dụng và trong suốt quá trình làm việc.

- Phải bố trí việc làm phù hợp với tình hình sức khỏe của NLĐ và:

+ Không bố trí người bị bệnh nghề nghiệp làm công việc tiếp xúc với yếu tố có hại gây bệnh nghề nghiệp đó khi chưa kiểm soát hoặc giảm thiểu được việc tiếp xúc các yếu tố có hại này;

+ Hạn chế bố trí NLĐ mắc bệnh mạn tính làm công việc có yếu tố có hại đến bệnh đang mắc;

+ Nếu phải bố trí NLĐ bị bệnh mạn tính làm công việc có yếu tố hại đến bệnh đang mắc thì NSDLĐ phải giải thích đầy đủ các yếu tố có hại đến sức khỏe cho

NLĐ biết và chỉ được bố trí sau khi NLĐ đồng ý bằng văn bản.

2. Điểm mới Thông tư 130/2016/TT-BTC về thuế sử dụng đất, GTGT

Ngày 16/9/2016, Tổng cục Thuế đã ban hành văn bản số 4238/TCT-CS giới thiệu các nội dung mới của Thông tư số 130/2016/TT-BTC hướng dẫn Nghị định số 100/2016/NĐ-CP.

Theo đó, có một số điểm đáng chú ý như sau:

- Bổ sung các đối tượng không chịu thuế GTGT như:

+ Vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt, xe điện (gồm cả tàu điện) theo các tuyến trong nội tỉnh, trong đô thị và các tuyến lân cận ngoại tỉnh.

+ Dịch vụ chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật gồm cả chăm sóc về y tế, dinh dưỡng và tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí...;

- Bổ sung trường hợp được miễn thuế sử dụng đất phi nông nghiệp với hộ gia đình, cá nhân có số thuế sử dụng đất phải nộp hàng năm (đã trừ số thuế được miễn, giảm) từ 50 nghìn đồng trở xuống.

Trường hợp có nhiều thửa đất trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì việc miễn thuế được tính trên tổng số thuế phải nộp của tất cả các thửa đất.

Hộ gia đình, cá nhân đủ điều kiện được miễn thuế sử dụng đất phi nông nghiệp nhưng đã nộp thuế vào NSNN thì cơ quan thuế thực hiện việc hoàn trả theo quy định của Luật Quản lý thuế.

3. Nhiều điểm mới trong quy định miễn thuế theo định mức

Chính phủ vừa ban hành Nghị định số 134/2016/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu, trong đó có quy định cụ thể các trường hợp miễn thuế theo định mức. Về cơ bản các quy định của các trường hợp miễn thuế theo định mức trên cơ sở kế thừa quy định pháp luật hiện hành đang thực hiện ổn định. Tuy nhiên, Nghị định số 134/2016/NĐ-CP cũng có nhiều thay đổi về đối tượng cũng như cách tính để được miễn thuế.

Hành lý nhập cảnh: 90 ngày mới được miễn thuế 1 lần

Để đảm bảo thống nhất với quy định của Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt về phân loại nồng độ rượu, tại Điều 6 Nghị định 134 đã điều chỉnh lại cách phân loại nồng độ rượu đối với nhóm hàng hành lý của người xuất cảnh, nhập cảnh theo loại dưới 20 độ và trên 20 độ.

Vì vậy, để phù hợp với thông lệ của nhiều nước trong khu vực, tại Điều 6 Nghị định 134 điều chỉnh định mức miễn thuế đối với rượu và xì gà như sau: “Rượu từ 20 độ trở lên: 1,5 lít hoặc rượu dưới 20 độ: 2 lít hoặc đồ uống có cồn, bia: 3 lít”; “Thuốc lá điếu: 200 điếu hoặc thuốc lá sợi: 250 gam hoặc xì gà: 20 điếu”. Đồng thời, Nghị định cũng hướng dẫn cụ thể các đối tượng xuất nhập cảnh thường xuyên như người điều khiển tàu bay và nhân viên phục vụ trên các chuyến bay quốc tế; người điều khiển tàu hỏa và nhân viên phục vụ trên tàu hỏa liên vận quốc tế... không được hưởng định mức hành lý miễn thuế cho từng lần nhập cảnh mà cứ 90 ngày được miễn thuế 01 lần.

Tài sản di chuyển là ô tô, xe máy không được miễn thuế

Theo Quyết định số 31/QĐ-TTg ngày 4-8-2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định miễn thuế đối với tài sản di chuyển là một ô tô, xe máy đã qua sử dụng cho đối tượng là công dân Việt Nam định cư tại nước ngoài đã được giải quyết đăng ký thường trú tại Việt Nam và người Việt Nam định cư ở nước ngoài là trí thức, chuyên gia, công nhân lành nghề đến công tác, làm việc

tại Việt Nam từ một năm trở lên theo lời mời của cơ quan Nhà nước Việt Nam.

Tuy nhiên, thời gian qua, theo Bộ Tài chính, một số cá nhân đã lợi dụng chính sách ưu đãi này để miễn thuế NK các dòng xe hạng sang từ nước ngoài để bán và tiêu thụ cho các cá nhân, tổ chức trong nước. Để tránh tình trạng lợi dụng chính sách, tại Điều 7 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP đã bỏ quy định miễn thuế đối với ô tô, xe máy là tài sản di chuyển của các đối tượng trên. Đồng thời, bổ sung quy định về thời gian cư trú hoặc làm việc tại Việt Nam từ 12 tháng trở lên, phù hợp với quy định của pháp luật lao động về việc cấp giấy phép lao động có thời hạn lao động từ 12 tháng trở lên.

Quà biếu, quà tặng miễn thuế không quá 04 lần/năm

Để hạn chế việc lợi dụng chính sách, Điều 8 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP đã quy định cụ thể về định mức miễn thuế chung áp dụng đối với quà biếu, quà tặng của tổ chức, cá nhân nước ngoài cho tổ chức, cá nhân Việt Nam; quà biếu, quà tặng của tổ chức, cá nhân Việt Nam cho tổ chức, cá nhân nước ngoài có trị giá hải quan không vượt quá 2 triệu đồng hoặc có trị giá hải quan trên 2 triệu đồng nhưng tổng số tiền thuế phải nộp dưới 200 nghìn đồng và không chế số lần để được miễn thuế không quá 4 lần/năm;

Bỏ định mức miễn thuế vật dụng sinh hoạt với đối tượng ngoại giao

Để phù hợp với tình hình thực tế, Nghị định số 134/2016/NĐ-CP đã bỏ quy định định mức miễn thuế đối với các vật dụng sinh hoạt như tivi, tủ lạnh, máy điều hòa; chỉ quy định định mức miễn thuế đối với các mặt hàng có thuế tiêu thụ đặc biệt như ô tô, xe gắn máy, rượu, bia và thuốc lá; đồng thời để phù hợp với quy định về thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ trong việc miễn thuế tại Luật thuế XK, thuế NK 2016, tại Điều 5 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP đã bãi bỏ quy định cho phép tạm NK miễn thuế mặt hàng ô tô, xe máy vượt định lượng (theo quy định hiện hành thì cơ quan ngoại giao, cơ quan lãnh sự được tạm NK miễn thuế mặt hàng ô tô, xe máy vượt định lượng nếu được Thủ tướng Chính phủ cho phép).

Theo Báo Hải quan.

4. Không thanh toán tiền khám bệnh khi cấp cứu từ 4 giờ trở lên

Ngày 27/9/2016, Bộ Y tế đã ban hành văn bản số 7117/BYT-KH-TC về việc hướng dẫn bổ sung thực hiện Thông tư liên tịch số 37/2015/TTLT-BYT-BTC. Theo đó, trường hợp người bệnh vào khoa cấp cứu, không qua khám chữa bệnh:

- Nếu thời gian điều trị từ 4 giờ trở lên: Thanh toán tiền ngày giường bệnh điều trị nội trú, tiền thuốc và các dịch vụ kỹ thuật theo quy định, không thanh toán tiền khám bệnh.

- Nếu thời gian điều trị dưới 4 giờ: Được thanh toán tiền khám bệnh, tiền thuốc và các dịch vụ kỹ thuật, không thanh toán tiền ngày giường bệnh điều trị nội trú.

Ngoài ra, văn bản số 7117/BYT-KH-TC còn hướng dẫn một số nội dung khác:

- Việc thanh toán ngày giường bệnh điều trị nội trú.
- Thanh toán chi phí khám, chữa bệnh tại phòng khám đa khoa khu vực trực thuộc bệnh viện/trung tâm y tế huyện.
- Tiền giường lưu tại trạm y tế tuyến xã.
- Phòng khám đa khoa trực thuộc bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến trung ương: áp dụng giá dịch vụ y tế theo hạng bệnh viện đó, ...

5. Giảm hồ sơ hưởng chế độ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

Ngày 21/9/2016, Bảo hiểm xã hội Việt Nam đã ban hành văn bản số 3647/BHXH-CSXH hướng dẫn tạm thời thực hiện chế độ tai nạn lao động (TNLĐ), bệnh nghề nghiệp (BNN) theo quy định của Luật An toàn, vệ sinh lao động. Theo đó, hồ sơ hưởng chế độ TNLĐ, BNN của người bị TNLĐ, BNN đã điều trị xong và ra viện từ ngày 01/7/2016 trở đi có những thay đổi trong thành phần hồ sơ như sau:

- Đối với hồ sơ hưởng chế độ TNLĐ: Bỏ biên bản điều tra TNLĐ và các biên bản trong trường hợp tai nạn giao thông được xác định là TNLĐ như biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông, ...

- Đối với hồ sơ hưởng chế độ BNN: Bỏ biên bản đo đạc môi trường có yếu tố độc hại hoặc kết quả đo, kiểm

tra môi trường lao động hoặc bản trích sao các giấy tờ trên.

Đồng thời, bổ sung vào văn bản đề nghị giải quyết chế độ TNLĐ, BNN nội dung ngày, tháng, năm ban hành của biên bản điều tra, khám nghiệm, kết quả đo đạc môi trường có yếu tố độc hại, quan trắc môi trường lao động.

6. Hướng dẫn thực hiện một số quy định về chế độ thai sản

Ngày 08/9/2016, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội đã ban hành văn bản số 3432/LĐTBXH-BHXH gửi Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc thực hiện một số chế độ tại Luật Bảo hiểm xã hội (BHXH) năm 2014. Theo đó, hướng dẫn thực hiện một số quy định về chế độ thai sản (CĐTS) như sau:

- Trợ cấp một lần khi sinh con trong trường hợp chỉ có cha tham gia BHXH được áp dụng với cả trường hợp mẹ không đủ điều kiện hưởng CĐTS mà cha đủ điều kiện theo khoản 2 Điều 9 Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH;

- Nếu chỉ có cha đóng BHXH mà mẹ gặp rủi ro sau khi sinh thì cha được nghỉ việc hưởng CĐTS đến khi con đủ 06 tháng tuổi theo khoản 6 Điều 34 Luật BHXH mà không phụ thuộc vào thời gian đóng BHXH;

- Lao động nam thuộc đối tượng nghỉ việc hưởng CĐTS thì có thể nghỉ nhiều lần nhưng tổng thời gian không vượt quá quy định tại khoản 2 Điều 34 Luật BHXH;

- Thời gian tối đa nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe sau thai sản tại khoản 2 Điều 41 Luật BHXH được tính cho 01 năm, kể từ ngày 01/01 – 31/12 của năm dương lịch, gồm cả ngày nghỉ lễ, Tết, nghỉ hàng tuần.

7. Nâng cấp ứng dụng kê khai thuế phiên bản HTKK 3.4.0

Ngày 24/9/2016, Tổng cục Thuế có Thông báo về nâng cấp ứng dụng HTKK 3.4.0, iHTKK 3.3.0, iTaxViewer 1.2.0 nhằm đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ.

Theo đó, nội dung nghiệp vụ chính thực hiện nâng cấp bao gồm:

- 18 mẫu tờ khai TNCN và các phụ lục quy định tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC .

- 7 mẫu gồm tờ khai thuế GTGT và báo cáo hóa đơn quy định tại Thông tư số 26/2015/TT-BTC .

- Một số nội dung khác:

+ Bổ sung Phụ lục số 02/PL-XSĐT kèm theo tờ khai quyết toán 03/TNDN dùng cho doanh nghiệp Xổ số điện toán;

+ Sửa công thức tính thuế trên tờ khai mẫu 01/BVMT và tờ khai quyết toán mẫu 02/BVMT;

+ Sửa bỏ ràng buộc khi nhập thông tin cấp mã số thuế cho người phụ thuộc đối với trẻ em dưới 14 tuổi phải nhập giấy khai sinh mà trên giấy khai sinh không có thông tin “quyền số” và cho nhập số định danh cá nhân đối với trẻ em (nếu có).

Bắt đầu từ ngày 25/9/2016, khi kê khai thuế có liên quan đến nội dung nâng cấp nêu trên, người nộp thuế sử dụng các mẫu biểu kê khai tại ứng dụng nêu trên thay cho các phiên bản trước đây.

ĐỒ VUI PHÁP LUẬT

Kết quả:

Xin chúc mừng 03 độc giả đạt giải phần Đồ vui pháp luật kỳ trước là:

- Giải Nhất: Anh Đoàn Hoài Văn – Phòng Hành chính Tổng Công ty;
- Giải Nhì: Anh Vũ Đình Khải – CTCP Hòa Phú.
- Giải khuyến khích: Anh Hoàng Hữu Hiệp – Công ty Cổ phần Cảng Tôn Thất Thuyết.

Đề nghị Quý Độc giả đạt giải liên hệ trực tiếp Ban Pháp chế Tổng Công ty để nhận quà tặng.

CÂU HỎI KỲ NÀY:

Anh/Chị cho biết vì sao ngày 09 tháng 11 hàng năm được chọn là Ngày Pháp luật Việt Nam và cho biết chủ đề Ngày Pháp luật Việt Nam năm 2016 là gì?

Câu hỏi phụ: Theo Anh/Chị có bao nhiêu người trả lời đúng câu hỏi này?

ĐÁP ÁN MỤC ĐỒ VUI PHÁP LUẬT KỲ TRƯỚC

Câu hỏi kỳ trước: Anh (chị) cho biết Theo quy định của Luật Căn cứ công dân năm 2014, Giấy Chứng minh nhân dân được cấp trước ngày 01/01/2016 có giá trị sử dụng đến khi nào? Có bắt buộc phải đổi sang thẻ căn cước công dân hay không?

Đáp án:

Theo Luật Căn cước công dân năm 2014, từ ngày 01/01/2016, Giấy Chứng minh nhân dân được thay bằng Thẻ Căn cước công dân.

Tuy nhiên, đối với Giấy Chứng minh nhân dân được cấp trước ngày 01/01/2016 vẫn có giá trị sử dụng để hết thời hạn theo quy định (thời hạn là 15 năm tính từ ngày cấp), không bắt buộc đổi Giấy Chứng minh nhân dân sang Thẻ Căn cước công dân, khi công dân có yêu cầu thì được đổi sang Thẻ Căn cước công dân.

Câu trả lời vui lòng gửi trực tiếp về **Ban Pháp chế Tổng Công ty** hoặc gửi email đến **Bantinphapluatsamco@gmail.com** trước **16h30** ngày **30/10/2016**

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TNHH MTV (SAMCO)

BAN BIÊN TẬP BẢN TIN PHÁP LUẬT SAMCO

[a]: Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

[o]: (+84) 839 200 408 - Ext: 133 - [h]: (+84) 905 066 519 (Anh Nguyễn) - [e]: Bantinphapluatsamco@gmail.com - [w]: www.samco.com.vn